

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/11/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+CLO+RP3	7:25	10+9+0	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
2		BK8+CLO+RC4	7:25	10+8+0	0+0+0		9+6+6	0+0+0	
3		TD1+P2+RP1	9:25	16+5+0	0+0+0		15+1+6	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2024	TO: TD5 - CLO - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KHUẤT NGỌC THĂNG	TD5	10	1	7			80	SEAMAP	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC HÙNG	TD5	11	1	7	10	170	74	SEAMAP	Vietnamese
3	KARAVKA IVAN	TD5	08	1	12			114	KHOAN	Russian
4	LƯU VĂN PHÒNG	TD5	02-03	2	16			70	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	04	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	01	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
7	SHMAKOV ALEXANDER	TD5	06	1	7			82	KHOAN	Russian
8	PODKATILIN A.N	TD5	05	1	7			81	KHOAN	Russian
9	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD5	09	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
10	SEREBROV IGOR	TD5	07	1	10			80	VTB	Russian
11	SUKHOMLIN IGOR	CLO	14	1	6			125	KHOAN	Russian
12	PHAN QUANG HIẾN	CLO	06	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	12	1	14			80	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM TẤT LỰC	CLO	10-11	2	10			70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	08	1	10			56	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LỰC	CLO	13	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ TRƯỜNG GIANG	CLO	09	1	14			77	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ MẠNH HÙNG	CLO	07	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
19	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	CLO	05	1	6			62	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	10	790	11	82	10	170	0		
2	CLO	9	668	10	78	0	0	11		
3	RP3	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		19	1.458	21	160	10	170	22		
WEIGHT KG			1.458		160		170			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2024	TO: BK8 - CLO - RC4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LTUẤN - ĐNAM - HUY	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ NGUYỄN HUY HOÀN	BK8	99	1	10			73	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ THANH TIẾN	BK8	2000,04	2	13			87	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN QUYỀN	BK8	07	1	8			65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ LỰC	BK8	03-04	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	BK8	96-97	2	15			62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC MINH	BK8	52	1	13			83	XAYLAP	Vietnamese
7	HOANG VĂN VIỆT	BK8	98	1	12			78	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VIỆT HÙNG	BK8	05-06	2	20			82	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN HÙNG	BK8	69,77	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN SỸ TÀI	BK8	99,800	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ VĂN QUYNH	CLO	98	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU THẮNG	CLO	97	1	6	1	15	67	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÌNH NGỌC GIANG	CLO	79-80	2	15			80	KHOAN	Vietnamese
14	BUI XUAN DUY	CLO	76	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TIẾN	CLO	400,75	2	7			73	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÌNH XUÂN PHÚ	CLO	99	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
17	BUI TRẦN NAM	CLO	77	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
18	MAI HAI LONG	CLO	78	1	9			70	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK8	10	731	16	143	0	0	9		
2	CLO	8	569	10	60	1	15	6		
3	RC4	0	0	0	0	3	60	6		
TOTAL		18	1.300	26	203	4	75	21		
WEIGHT KG			1.300		203		75			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/11/2024	TO: TD1 - P2 - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LINH - N.CƯỜNG - THỤ	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ VĂN QUÝ	TD1	89	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
2	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	09	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG NGỌC SƠN	TD1	04	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	85	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
5	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	01	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD1	91	1	5	2	40	60	ĐANG KIỂM	Vietnamese
7	ĐO MINH DŨNG	TD1	02	1	10			65	KHOAN	Vietnamese
8	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	88	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ VĂN HẬU	TD1	83	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG TUẤN ANH	TD1	84	1	10			76	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM MINH HIẾU	TD1	05-06	2	12			55	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM MINH TRỌNG	TD1	03	1	9			68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH LUẬN	TD1	87	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	86	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	90	1	15			68	ANTOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN TOÀN	TD1	07-08	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VĂN BÁC	P2	70-71	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG PHÁT	P2	65	1	5	2	20	92	T-TIN	Vietnamese
19	ĐOÀN TRỌNG KHANG	P2	63-64	2	15	3	30	98	T-TIN	Vietnamese
20	PHAN MÃN PHÚC	P2	68-69	2	11			66	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	16	1.057	18	126	2	40	15		
2	P2	4	319	7	46	5	50	1		
3	RP1	0	0	0	0	1	5	6		
TOTAL		20	1.376	25	172	8	95	22		
WEIGHT KG			1.376		172		95			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Yim VSP